

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Danh mục

Lô 1: Tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư thiết bị thanh lý là chất thải nguy hại năm 2024

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
I: Vật tư thiết bị						
1	1.41.04.350.VIE.00.D10	Dầu cách điện máy biến áp	Lít	642	17.03.05	
2	3.56.90.008.000.00.D10	TU 123kV	Cái	3	17 03 05	
3	3.60.36.000.000.00.D10	Công tơ điện tử 3P thu hồi các loại	Cái	637	19 02 06	
4	3.60.36.000.VIE.00.D10	Điện kế điện tử 3 pha các loại	Cái	1	19 02 06	
5	3.60.55.000.VIE.00.D10	Điện kế điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	3840	19 02 06	
6	3.64.34.202.VIE.00.D10	Tụ bù trung thế 8,66kv 100KVAR	Cái	9	17 03 05	
7	3.64.35.100.000.00.D10	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 100kVAR	Cái	1	17 03 05	
8	3.64.35.200.VIE.00.D10	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 200kVAR	Cái	5	17 03 05	
9	4.94.80.180.VIE.00.D10	Vật liệu nhiễm dầu	Kg	6,3	18 02 01	
10	5.20.00.001.VIE.00.D10	Phụ tùng ô tô	Kg	83	17 02 04	
11	5.44.95.037.000.00.D10	Thiết bị module quang SFP -GE, 40km	Cái	2	19 02 06	
12	3.64.35.200.VIE.00.D10	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 200kVAR	Cái	1	17 03 05	Kho ĐL Sa Đéc
13	5.16.10.003.000.00.D10	Bình ắc quy	Bình	1	19 06 05	Kho ĐL Sa Đéc
14	5.16.12.070.000.00.D10	Bình ắc quy 12V - 70Ah	Bình	1	19 06 05	Kho ĐL Sa Đéc
15	3.64.35.200.VIE.00.D10	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 200kVAR	Cái	1	17 03 05	Kho ĐL Châu Thành
16	5.16.10.000.VIE.00.D10	Bình ắc quy phế liệu	Cái	8	19 06 05	Kho ĐL Tân Hồng
17	3.64.35.100.000.00.D10	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 100kVAR	Cái	3	17 03 05	Kho ĐL Cao Lãnh
18	3.60.36.000.000.00.D10	Công tơ điện tử 3P thu hồi các loại	Cái	2	19 02 06	Kho ĐL TP Cao Lãnh

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
19	3.64.35.100.000.00.D10	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 100kVAR	Cái	1	17 03 05	Kho ĐL TP Cao Lãnh
20	3.64.35.200.VIE.00.D10	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 200kVAR	Cái	1	17 03 05	Kho ĐL TP Cao Lãnh
21	3.64.35.200.VIE.00.D10	Tụ bù trung thế 1 pha 12,7kV - 200kVAR	Cái	5	17 03 05	Kho ĐL Tam Nông
II: Công cụ dụng cụ						
1	DTH.MA.0011.35690026VIE.00017	MBA 1P 25KVA 12.7/0,22KV 94600926	Cái	1	17 03 05	
2	DTH.MA.0109.35690026VIE.00016	MBA 1P 25KVA 12.7/0.22KV 4101269-2	Cái	1	17 03 05	
3	DTH.MA.0305.35690026VIE.00010	MBA 1P-25KVA 12.7/0.22KV 505840-2	Cái	1	17 03 05	
4	DTH.MA.0201.35690026VIE.00023	MBA 1P-25KVA 12.7/0,22KV 020296166	Cái	1	17 03 05	
5	DTH.MA.0811.35690026VIE.00002	MBA 1P-25KVA 12.7/0.22KV 020198556	Cái	1	17 03 05	
6	5.65.90.015.MAS.00.000	MAY LANH 1.5HP 2 KHOI PANASONIC	cái	1	19 02 06	
7	5.95.00.021.VIE.00.000	MAY GHI AM	bộ	1	19 02 06	
8	8.88.60.911.000.00.000	MAY LANH	Cái	1	19 02 06	
9	5.65.90.015.VIE.00.000	MAY LANH 1,5 HP	Cái	1	19 02 06	
10	5.65.90.015.MAS.00.000	Máy lạnh 1,5HP Panasonic	Bộ	1	19 02 06	
11	5.65.90.017.VIE.00.000	Máy lạnh	bộ	2	19 02 06	
12	5.65.90.015.VIE.00.000	Máy lạnh 1.5HP	bộ	1	19 02 06	
13	5.65.90.015.MAS.00.000	MAY LANH PANASONIC 1.5HP	cái	1	19 02 06	
14	5.95.00.021.VIE.00.000	MAY GHI AM	bộ	1	19 02 06	
15	5.65.90.038.VIE.00.000	MAY LANH 1 HP	bộ	1	19 02 06	
16	5.65.90.038.VIE.00.000	MAY LANH 1 HP	bộ	1	19 02 06	
17	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU 3.2 GHZ	cái	1	19 02 06	
18	5.90.02.948.VIE.00.000	Màn hình máy vi tính	cái	1	19 02 06	
19	5.90.02.948.000.00.000	MAN HINH LCD 17" SAMSUNG	cái	1	19 02 06	
20	5.90.02.948.000.00.000	MAN HINH LCD SAMSUNG 19R71	cái	1	19 02 06	
21	8.88.02.129.CHN.00.000	MAY TINH BANG APPLE IPAD AIR 32GB 4G A1475	cái	1	19 02 06	
22	8.88.02.005.TPE.00.000	Máy vi tính xách tay Core I5	cái	1	19 02 06	
23	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	cái	1	19 02 06	
24	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	cái	1	19 02 06	
25	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	cái	1	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
26	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	cái	1	19 02 06	
27	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	cái	1	19 02 06	
28	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	cái	1	19 02 06	
29	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	cái	1	19 02 06	
30	4.94.60.118.VIE.00.000	Máy in màu A4	cái	1	19 02 06	
31	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU 3.2 GHZ	cái	2	19 02 06	
32	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	cái	2	19 02 06	
33	4.94.60.265.000.00.000	Máy in gen	cái	1	19 02 06	
34	4.94.60.080.VIE.00.000	MAY IN LASER CANON 3300	cái	1	19 02 06	
35	8.88.02.128.CHN.00.000	Máy tính bảng 128GB	Cái	1	19 02 06	
36	8.88.02.129.CHN.00.000	MAY TINH BANG APPLE IPAD AIR 32GB 4G A1475	cái	1	19 02 06	
37	5.90.02.650.CHN.00.000	Điện thoại IP Avaya 1608	Cái	1	19 02 06	
38	4.94.60.080.VIE.00.000	MAY IN LASER CANON 3300	cái	1	19 02 06	
39	4.94.60.080.CHN.00.000	Máy in laser A4	Cái	1	19 02 06	
40	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
41	8.88.40.017.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	19 02 06	
42	5.90.02.968.VIE.00.000	Điện thoại di động Iphone 6S 16GB Gold	cái	1	19 02 06	
43	5.90.02.968.VIE.00.000	Điện thoại di động Iphone 6S 16GB Gold	cái	1	19 02 06	
44	8.88.40.017.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay Core i7	cái	1	19 02 06	
45	4.94.60.013.INA.00.000	Máy in kim A4	cái	1	19 02 06	
46	8.88.00.042.000.00.000	MAY FAX	Cái	1	19 02 06	
47	8.88.00.027.CHN.00.000	MAY SCANNER	Cái	1	19 02 06	
48	4.94.60.013.INA.00.000	Máy in kim A4	Cái	1	19 02 06	
49	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	19 02 06	
50	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	1	19 02 06	
51	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	cái	1	19 02 06	
52	4.94.60.080.VIE.00.000	MAY IN LASER CANON 3300	cái	1	19 02 06	
53	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng SamSung	cái	1	19 02 06	
54	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
55	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	1	19 02 06	
56	5.90.00.175.CHN.00.000	Bộ dụng cụ thi công và kiểm tra cáp quang	Cái	1	19 02 06	
57	5.90.00.175.CHN.00.000	Bộ dụng cụ thi công và kiểm tra cáp quang	Cái	1	19 02 06	
58	5.90.02.790.SIN.00.000	Card Mở rộng 10GB	Cái	1	19 02 06	
59	5.90.02.960.VIE.00.000	DIEN THOAI BAN	cái	17	19 02 06	
60	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	2	19 02 06	
61	5.44.95.135.CHN.00.000	Module quang 1Gbps - 10km	Cái	2	19 02 06	
62	3.94.00.082.SIN.00.000	Module SFP khoảng cách 20km, tốc độ 1GE	Cái	2	19 02 06	
63	3.94.00.088.CHN.00.000	Module SFP khoảng cách 80km, tốc độ 1GE	Cái	2	19 02 06	
64	5.44.95.014.CHN.00.000	Switch 24 port	Cái	1	19 02 06	
65	5.44.95.014.CHN.00.000	Switch 24 port	Cái	1	19 02 06	
66	5.44.95.014.CHN.00.000	Switch 24 port	Cái	1	19 02 06	
67	5.44.95.014.CHN.00.000	Switch 24 port	Cái	1	19 02 06	
68	5.44.95.029.SIN.00.000	Switch 8 port	Cái	4	19 02 06	
69	5.90.00.018.CHN.00.000	Thiết bị mạng	Cái	1	19 02 06	
70	8.88.40.017.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	19 02 06	
71	4.94.60.080.VIE.00.000	MÁY IN HP LASER JET 2014	cái	1	19 02 06	
72	4.94.60.080.VIE.00.000	Máy in laser A4	cái	1	19 02 06	
73	5.90.02.947.VIE.00.000	CPU máy vi tính	cái	1	19 02 06	
74	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng SamSung	cái	2	19 02 06	
75	5.65.90.012.TPE.00.000	Camera	Cái	6	19 02 06	
76	5.65.90.012.VIE.00.000	Camera	Cái	1	19 02 06	
77	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU INTEL CORE	cái	1	19 02 06	
78	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
79	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
80	5.65.90.023.TPE.00.000	Đầu ghi hình	Cái	1	19 02 06	
81	5.90.02.650.CHN.00.000	Điện thoại IP Avaya 1608	Cái	1	19 02 06	
82	5.90.02.140.CHN.00.000	LCD ACER 19" WG	cái	3	19 02 06	
83	5.90.02.948.000.00.000	Màn hình LCD	cái	1	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
84	8.75.70.069.000.00.000	MAY DINH VI CAM TAY GPS	cái	1	19 02 06	
85	4.94.60.068.CHN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	4	19 02 06	
86	4.94.60.013.INA.00.000	MAY IN KIM EPSON LQ	cái	1	19 02 06	
87	4.94.60.080.CHN.00.000	Máy in laser A4	Cái	1	19 02 06	
88	4.94.60.080.VIE.00.000	Máy in laser Canon 3300	cái	1	19 02 06	
89	4.94.60.080.VIE.00.000	MAY IN LASERT HP	cái	1	19 02 06	
90	8.88.00.027.CHN.00.000	Máy Scan	cái	1	19 02 06	
91	8.88.02.008.VIE.00.000	Máy tính bảng	Cái	5	19 02 06	
92	8.88.02.128.VIE.00.000	Máy tính bảng 128GB	Cái	2	19 02 06	
93	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng SamSung	cái	1	19 02 06	
94	5.90.02.947.SIN.00.000	MAY VI TINH CHUAN CONG NGHIEP_815327	bộ	1	19 02 06	
95	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	1	19 02 06	
96	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	1	19 02 06	
97	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
98	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
99	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	2	19 02 06	
100	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
101	8.88.02.040.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay (Core I5)	Cái	1	19 02 06	
102	8.88.40.017.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	19 02 06	
103	5.90.02.051.MAS.00.000	Ổ cứng 500GB	Cái	1	19 02 06	
104	5.90.02.964.VIE.00.000	Thiết bị phát sóng wifi (Wireless access point)	cái	1	19 02 06	
105	5.65.90.012.VIE.00.000	Camera	Cái	1	19 02 06	
106	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
107	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
108	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
109	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
110	5.90.02.968.VIE.00.000	Điện thoại di động Iphone 6S 16GB Gold	cái	1	19 02 06	
111	5.90.02.968.VIE.00.000	Điện thoại di động Iphone 6S 16GB Gold	cái	1	19 02 06	
112	5.90.02.974.VIE.00.000	DIEN THOAI SAM SUNG GALAXY	cái	1	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
113	5.80.00.003.VIE.00.000	HOP DAU DAY 4 LINE	cái	1	19 02 06	
114	4.94.60.009.VIE.00.000	MAY DEM TIEN	cái	1	19 02 06	
115	4.94.60.068.SIN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	10	19 02 06	
116	4.94.60.068.CHN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	1	19 02 06	
117	4.94.60.013.INA.00.000	Máy in kim A4	cái	2	19 02 06	
118	4.94.60.080.PHI.00.000	Máy in laser A4	Cái	1	19 02 06	
119	4.94.60.118.VIE.00.000	Máy in màu A4	Cái	1	19 02 06	
120	8.88.02.008.VIE.00.000	Máy tính bảng	Cái	9	19 02 06	
121	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	Cái	5	19 02 06	
122	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	Cái	1	19 02 06	
123	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	Cái	4	19 02 06	
124	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng công nghiệp	Cái	4	19 02 06	
125	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY VI TINH XACH TAY	cái	1	19 02 06	
126	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY VI TINH XACH TAY	cái	1	19 02 06	
127	8.88.02.040.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay (Core I5)	cái	1	19 02 06	
128	8.75.70.802.000.00.000	Thiết bị cầm tay HHU	cái	2	19 02 06	
129	8.88.30.102.VIE.00.000	Thiết bị truyền thông đầu cuối (modem) GPRS 3G	Bộ	217	19 02 06	
130	5.90.02.357.VIE.00.000	Điện thoại di động Samsung Galaxy J5	Cái	4	19 02 06	
131	5.90.02.802.CHN.00.000	Màn hình LED cảm ứng 42 inch	Cái	1	19 02 06	
132	4.94.60.068.SIN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	10	19 02 06	
133	8.88.02.008.VIE.00.000	Máy tính bảng	Cái	1	19 02 06	
134	8.88.02.008.VIE.00.000	Máy tính bảng	Cái	1	19 02 06	
135	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	Cái	4	19 02 06	
136	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	1	19 02 06	
137	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	1	19 02 06	
138	8.88.40.011.VIE.00.000	MAY VI TINH DE BAN + LCD ACER 19"	bộ	1	19 02 06	
139	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY VI TINH XACH TAY	cái	2	19 02 06	
140	8.88.02.040.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay (Core I5)	cái	1	19 02 06	
141	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng SamSung	cái	1	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
142	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng SamSung T116-Black	cái	1	19 02 06	
143	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
144	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
145	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
146	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
147	5.90.02.947.VIE.00.000	CPU máy vi tính core i3	cái	1	19 02 06	
148	5.90.02.960.VIE.00.000	DIEN THOAI BAN	cái	1	19 02 06	
149	5.90.02.140.CHN.00.000	LCD ACER 19" WG	cái	7	19 02 06	
150	5.90.02.140.CHN.00.000	LCD ACER 19" WG	cái	1	19 02 06	
151	4.94.60.068.CHN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	2	19 02 06	
152	4.94.60.068.SIN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	4	19 02 06	
153	4.94.60.080.CHN.00.000	Máy in laser A4	Cái	1	19 02 06	
154	8.88.02.129.KOR.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	1	19 02 06	
155	8.88.02.257.KOR.00.000	MAY TINH BANG SAMSUNG TAB4 10INCH	cái	1	19 02 06	
156	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH BAN MAN HINH CAM UNG	bộ	1	19 02 06	
157	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	2	19 02 06	
158	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	1	19 02 06	
159	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
160	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	1	19 02 06	
161	8.88.02.005.TPE.00.000	Máy vi tính xách tay Core I5	cái	1	19 02 06	
162	8.88.40.017.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	2	19 02 06	
163	5.65.90.011.VIE.00.000	MAY CHUP HINH	cái	1	19 02 06	
164	5.65.90.011.VIE.00.000	MAY CHUP HINH	cái	1	19 02 06	
165	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	Bộ	1	19 02 06	
166	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU 3.2 GHZ	cái	3	19 02 06	
167	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	1	19 02 06	
168	5.90.02.968.VIE.00.000	Điện thoại di động Iphone 6S 16GB Gold	Cái	1	19 02 06	
169	8.88.00.042.000.00.000	Máy Fax	Cái	1	19 02 06	
170	4.94.60.068.CHN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	2	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
171	4.94.60.068.KOR.00.000	Máy in bluetooth	Cái	7	19 02 06	
172	4.94.60.013.INA.00.000	MAY IN EPSON LQ 2190 MK 3Y013272	Cái	1	19 02 06	
173	4.94.60.080.VIE.00.000	MAY IN LASER CANON 2900	Cái	1	19 02 06	
174	4.94.60.080.VIE.00.000	MAY IN LASER CANON 3300	Cái	1	19 02 06	
175	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	Cái	2	19 02 06	
176	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng công nghiệp	Cái	3	19 02 06	
177	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	19 02 06	
178	8.88.40.011.CHN.00.000	Máy vi tính để bàn	Cái	1	19 02 06	
179	8.88.40.011.000.00.000	Máy vi tính để bàn	Cái	1	19 02 06	
180	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	Bộ	2	19 02 06	
181	8.88.40.017.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay Core i7	Cái	1	19 02 06	
182	4.94.60.191.VIE.00.000	TV LED 32 INCHES	Cái	1	19 02 06	
183	5.90.02.959.CHN.00.000	UPS 1000 VA	Cái	1	19 02 06	
184	8.88.02.129.VIE.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	3	19 02 06	
185	8.88.02.129.CHN.00.000	MAY TINH BANG APPLE IPAD AIR 32GB 4G A1475	Cái	1	19 02 06	
186	5.90.00.185.VIE.00.000	Thiết bị truyền phát tín hiệu báo mất điện (đường dây hạ thế)	Bộ	4	19 02 06	
187	8.88.30.102.VIE.00.000	Thiết bị truyền thông đầu cuối (modem) GPRS 3G	Bộ	5	19 02 06	
188	8.88.30.106.VIE.00.000	Modem thu thập dữ liệu từ xa	Cái	1	19 02 06	
189	5.90.00.022.VIE.00.000	Modem	Cái	1	19 02 06	
190	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU	cái	1	19 02 06	
191	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
192	5.90.02.140.CHN.00.000	LCD ACER 19" WG	cái	1	19 02 06	
193	5.90.02.802.CHN.00.000	Màn hình LED cảm ứng 42 inch	Cái	1	19 02 06	
194	5.90.02.948.CHN.00.000	Màn hình máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
195	5.65.90.011.VIE.00.000	MAY CHUP HINH	cái	1	19 02 06	
196	5.65.90.011.VIE.00.000	MAY CHUP HINH	cái	1	19 02 06	
197	8.88.02.008.VIE.00.000	Máy tính bảng	Cái	2	19 02 06	
198	8.88.02.129.KOR.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	4	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
199	8.88.02.129.VIE.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	2	19 02 06	
200	8.88.02.129.VIE.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	1	19 02 06	
201	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng SamSung	cái	1	19 02 06	
202	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH BAN MAN HINH CAM UNG	bộ	1	19 02 06	
203	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	1	19 02 06	
204	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
205	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	2	19 02 06	
206	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY VI TINH XACH TAY	cái	1	19 02 06	
207	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	1	19 02 06	
208	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	cái	1	19 02 06	
209	5.44.95.014.SIN.00.000	Switch 24 ports	cái	1	19 02 06	
210	5.65.90.012.TPE.00.000	Camera	Cái	2	19 02 06	
211	5.90.02.948.VIE.00.000	Màn hình máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
212	5.90.02.992.MAS.00.000	Máy bộ đàm cố định	bộ	1	19 02 06	
213	4.94.60.013.INA.00.000	Máy in kim A4	cái	1	19 02 06	
214	8.88.00.027.CHN.00.000	MAY SCANNER	cái	1	19 02 06	
215	8.88.02.129.KOR.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	4	19 02 06	
216	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY TINH IDEAPAD	cái	2	19 02 06	
217	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	3	19 02 06	
218	8.88.02.040.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay (Core I5)	cái	1	19 02 06	
219	8.88.02.005.TPE.00.000	Máy vi tính xách tay Core I5	cái	3	19 02 06	
220	8.88.02.008.VIE.00.000	Máy tính bảng	Cái	1	19 02 06	
221	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	cái	4	19 02 06	
222	8.88.02.129.VIE.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	4	19 02 06	
223	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	1	19 02 06	
224	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	cái	1	19 02 06	
225	8.88.00.042.000.00.000	MAY FAX	cái	1	19 02 06	
226	8.88.00.027.CHN.00.000	MAY SCANNER	cái	1	19 02 06	
227	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
228	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
229	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH DE BAN	bộ	1	19 02 06	
230	8.88.00.027.CHN.00.000	MAY SCANNER	cái	1	19 02 06	
231	5.90.02.948.000.00.000	Màn hình LCD	cái	2	19 02 06	
232	8.88.02.040.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay (Core I5)	cái	1	19 02 06	
233	8.88.02.005.TPE.00.000	Máy vi tính xách tay Core I5	cái	3	19 02 06	
234	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	Cái	4	19 02 06	
235	5.65.90.012.VIE.00.000	Camera	Cái	1	19 02 06	
236	4.94.60.068.SIN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	5	19 02 06	
237	5.44.95.029.CHN.00.000	Switch 8 port	Cái	3	19 02 06	
238	4.94.60.118.CHN.00.000	Máy in màu A4	Cái	1	19 02 06	
239	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
240	5.90.02.802.CHN.00.000	Màn hình LED cảm ứng 42 inch	Cái	1	19 02 06	
241	4.94.60.086.KOR.00.000	Máy in laser A3	Cái	1	19 02 06	
242	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	Cái	1	19 02 06	
243	5.20.00.045.VIE.00.000	Thiết bị giám sát hành trình VCOMSAT H2	Cái	1	19 02 06	
244	5.65.90.011.VIE.00.000	MAY CHUP HINH	cái	1	19 02 06	
245	5.65.90.011.VIE.00.000	MAY CHUP HINH	cái	1	19 02 06	
246	3.80.88.379.VIE.00.000	Bộ tập trung (DCU)	Cái	2	19 02 06	
247	5.90.02.947.CHN.00.000	CPU máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
248	5.90.02.802.CHN.00.000	Màn hình LED cảm ứng 42 inch	Cái	1	19 02 06	
249	8.88.02.008.VIE.00.000	Máy tính bảng	Cái	1	19 02 06	
250	8.88.02.128.VIE.00.000	Máy tính bảng 128GB	Cái	1	19 02 06	
251	8.88.02.129.KOR.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	2	19 02 06	
252	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
253	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
254	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
255	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	1	19 02 06	
256	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	1	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
257	5.44.95.014.SIN.00.000	SWITCH CISCO 24 PORT - 10/100MB	cái	1	19 02 06	
258	5.90.02.357.VIE.00.000	Điện thoại di động Samsung Galaxy J5	Cái	3	19 02 06	
259	5.90.02.140.CHN.00.000	LCD SAMSUNG 19R71	cái	1	19 02 06	
260	4.94.60.068.SIN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	2	19 02 06	
261	4.94.60.118.VIE.00.000	Máy in màu A4	Cái	1	19 02 06	
262	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng công nghiệp	Cái	4	19 02 06	
263	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY TINH IDEAPAD	cái	8	19 02 06	
264	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	1	19 02 06	
265	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	2	19 02 06	
266	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY VI TINH XACH TAY	cái	2	19 02 06	
267	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	2	19 02 06	
268	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	cái	1	19 02 06	
269	4.94.60.191.VIE.00.000	TV LED 32 INCHES	cái	1	19 02 06	
270	5.44.95.128.000.00.000	IP phone Cisco	Bộ	1	19 02 06	
271	5.65.90.012.TPE.00.000	Camera	Cái	5	19 02 06	
272	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
273	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
274	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
275	5.65.90.012.TPE.00.000	CAMERA GIAM SAT	bộ	1	19 02 06	
276	5.90.02.947.VIE.00.A80	CPU máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
277	5.90.02.650.CHN.00.000	Điện thoại IP Avaya 1608	Cái	1	19 02 06	
278	5.80.00.003.VIE.00.000	HOP DAU DAY 4 LINE	cái	1	19 02 06	
279	5.90.02.948.000.00.000	Màn hình máy vi tính	cái	3	19 02 06	
280	5.90.02.948.CHN.00.000	Màn hình máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
281	5.90.02.948.CHN.00.000	Màn hình máy vi tính	Cái	1	19 02 06	
282	4.94.60.068.CHN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	4	19 02 06	
283	4.94.60.068.SIN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	10	19 02 06	
284	4.94.60.013.INA.00.000	MAY IN EPSON LQ 2190 MK 3Y013552	cái	1	19 02 06	
285	4.94.60.080.VIE.00.000	Máy in laser A4	cái	1	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
286	4.94.60.080.VIE.00.000	MAY IN LASER CANON 3300	cái	1	19 02 06	
287	4.94.60.080.VIE.00.000	MAY IN LASER CANON 3300	cái	1	19 02 06	
288	8.88.02.129.KOR.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	2	19 02 06	
289	8.88.02.129.VIE.00.000	Máy tính bảng 32GB	Cái	2	19 02 06	
290	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng SamSung	cái	2	19 02 06	
291	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng SamSung	cái	2	19 02 06	
292	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY VI TINH XACH TAY	cái	2	19 02 06	
293	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY VI TINH XACH TAY	cái	1	19 02 06	
294	8.88.40.019.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay	bộ	1	19 02 06	
295	8.88.02.040.CHN.00.000	Máy vi tính xách tay (Core I5)	cái	1	19 02 06	
296	5.90.02.145.CHN.00.000	TV LCD SONY 32"	cái	1	19 02 06	
297	5.90.02.140.CHN.00.000	LCD ACER 19" WG	cái	4	19 02 06	
298	4.94.60.068.CHN.00.000	Máy in Bluetooth	Cái	2	19 02 06	
299	4.94.60.068.KOR.00.000	Máy in bluetooth	Cái	1	19 02 06	
300	4.94.60.080.VIE.00.000	Máy in laser A4	cái	1	19 02 06	
301	8.88.02.128.VIE.00.000	Máy tính bảng 128GB	Cái	4	19 02 06	
302	8.88.02.016.VIE.00.000	Máy tính bảng 16GB	cái	1	19 02 06	
303	8.88.02.257.KOR.00.000	Máy tính bảng công nghiệp	Cái	2	19 02 06	
304	8.88.40.011.000.00.000	MAY VI TINH BAN MAN HINH CAM UNG	bộ	1	19 02 06	
305	8.88.40.011.VIE.00.000	Máy vi tính để bàn	bộ	4	19 02 06	
306	8.88.40.019.CHN.00.000	MAY VI TINH XACH TAY	cái	1	19 02 06	
307	8.88.02.129.CHN.00.000	MAY TINH BANG APPLE IPAD AIR 32GB 4G A1475	Cái	1	19 02 06	
308	8.75.70.069.000.00.000	MAY DINH VI CAM TAY GPS	cái	1	19 02 06	
309	8.90.10.040.FRA.00.000	THIET BI CHI THI SU CO	cái	6	19 02 06	
310	8.75.70.069.000.00.000	MAY DINH VI CAM TAY GPS	cái	1	19 02 06	
311	8.90.10.040.FRA.00.000	Thiết bị báo sự cố (FCI) có truyền thông trên đường dây trung thế	Bộ	3	19 02 06	
312	8.90.10.040.FRA.00.000	THIET BI CHI THI SU CO	cái	3	19 02 06	
313	8.90.10.040.FRA.00.000	THIET BI CHI THI SU CO	cái	6	19 02 06	

STT	Mã VT	Tên VT	DVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
314	5.18.01.005.000.00.D10	Xe Honda Super Dream II C110 66P1-743.68	Xe	1	15 01 01	
315	5.18.01.005.000.00.D10	XE HONDA SUPER DREAM 66M3-9308	chiếc	1	15 01 01	
316	5.18.01.005.000.00.D10	Xe Honda Super Dream II C110 66P1-742.05	xe	1	15 01 01	
III: Tài sản cố định						
1	DTH-0012220.1	BO LUU DIEN UPS 3KVA 83321608101184	CAI	1	19 02 06	
2	DTH-0012227.1	BO LUU DIEN UPS 3KVA 83321608101194	CAI	1	19 02 06	
3	DTH-0015119.1	CAMERA NHIỆT	Cái	1	19 02 06	
4	DTH-0013759.1	HỆ THỐNG MẠNG WIFI ACCESS POINT	BỘ	3	19 02 06	
5	DTH-0013760.1	HỆ THỐNG MẠNG WIFI ACCESS POINT	Bộ	3	19 02 06	
6	DTH-0013761.1	HỆ THỐNG MẠNG WIFI ACCESS POINT	BỘ	3	19 02 06	
7	DTH-0013766.1	HỆ THỐNG MẠNG WIFI ACCESS POINT	BỘ	3	19 02 06	
8	DTH-0011437.1	KVM SWITCH 16 PORT USB FMIS/MMIS	BỘ	1	19 02 06	
9	DTH-0010532.1	MAY IN TALLY GENICOM 6815Q 7TG 681412023	CAI	1	19 02 06	
10	DTH-0008098.1	MAY IN TALLY GENICOM T3 TOC DO 1200 DONG	Cái	1	19 02 06	
11	DTH-0008100.1	MAY IN TALLY GENICOM T3 TOC DO 1200 DONG	CAI	1	19 02 06	
12	DTH-0007762.1	MAY IN TALLY T6312 TOC DO CAO H32K227244	CAI	1	19 02 06	
13	DTH-0009805.1	MODULE SFP 120KM, TOC DO 1GE	BỘ	1	19 02 06	
14	DTH-0011433.1	SWITCH CORE PD1-S51-6121 FMIS/MMIS	BỘ	1	19 02 06	
15	DTH-0011441.1	SWITCH L3 PDI-S31-9281 FMIS/MMIS	BỘ	1	19 02 06	
16	DTH-0011447.1	SWITCH L3 PDI-S31-9281 FMIS/MMIS	BỘ	1	19 02 06	
17	DTH-0011449.1	SWITCH L3 PDI-S31-9281 FMIS/MMIS	BỘ	1	19 02 06	
18	DTH-0009802.1	TB TIEP NHAN LUONG 1 GE_CARD UPLINK 6PORT J 6350	CÁI	1	19 02 06	
19	DTH-0012972.1	CÔNG TỐ CHUẨN 3P CẦM TAY	CÁI	1	19 02 06	
20	DTH-0011794.1	CONG TO CHUAN 1P CAM TAY 1365121187	BO	1	19 02 06	
21	DTH-0009566.1	CONG TO MAU 3P XACH TAY PEWM-3C 0612499	CÁI	1	19 02 06	
22	DTH-0018531.1	MBA110kV-25MVA4611668	Cái	1	17 03 05	Tại trạm 110kV An Long
23	DTH-0001897.1	MBA 1P-50KVA 12.7/2X0.23KV 9004017-1	CAI	1	17 03 05	
24	DTH-0000299.1	MBA 1P 50KVA 12.7/0.22KV 04029373	CAI	1	17 03 05	
25	DTH-0001067.1	MBA 1P-50KVA 12.7/2X0.22KV 040200272	CAI	1	17 03 05	

STT	Mã VT	Tên VT	ĐVT	Số lượng	Mã CTNH	Ghi chú
26	DTH-0001424.1	MBA 1P-50KVA 12.7/0.22KV 308110-2	CAI	1	17 03 05	
27	DTH-0001097.1	MBA 1P-50KVA 12.7/0,22KV 501040-2	CAI	1	17 03 05	
28	DTH-0000221.1	MBA 1P 50KVA 12.7/2X0.23KV 204091-2	CAI	1	17 03 05	
29	DTH-0001233.1	MBA 1P 50KVA 12.7/2X0.22KV 60151152-2	CAI	1	17 03 05	
30	DTH-0000083.1	MBA 3P 225KVA 22/0.4KV MAT MAC	CAI	1	17 03 05	